



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	08.01.01	Toán	22.000	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	08.01.02	Toán	17.000	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
3	08.01.03	Toán	16.500	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
4	08.01.04	Toán	16.000	K.Khích	11	THPT chuyên Chu Văn An
5	08.01.05	Toán	18.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
6	08.01.06	Toán	22.500	Nhì	12	THPT chuyên Chu Văn An
7	08.01.07	Toán	24.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
8	08.01.09	Toán	24.000	Nhì	12	THPT chuyên Chu Văn An
9	08.01.08	Toán	17.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
10	08.02.01	Vật lí	21.000	Ba	11	THPT chuyên Chu Văn An
11	08.02.02	Vật lí	23.750	Ba	11	THPT số 1 Phù Cát
12	08.02.04	Vật lí	27.250	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
13	08.02.03	Vật lí	25.250	Nhì	11	THPT chuyên Chu Văn An
14	08.02.05	Vật lí	16.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
15	08.02.06	Vật lí	27.500	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
16	08.02.07	Vật lí	22.750	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
17	08.02.08	Vật lí	19.250	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
18	08.02.09	Vật lí	26.750	Nhì	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	08.03.02	Hoá học	13.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
20	08.03.03	Hoá học	17.000	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
21	08.03.04	Hoá học	15.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	08.03.05	Hoá học	19.250	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
23	08.03.08	Hoá học	16.625	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn
24	08.03.09	Hoá học	18.125	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
25	08.03.10	Hoá học	15.375	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
26	08.04.01	Sinh học	23.750	Nhì	12	THPT chuyên Chu Văn An
27	08.04.02	Sinh học	20.250	Ba	12	THPT chuyên Chu Văn An
28	08.04.05	Sinh học	19.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	08.05.01	Tin học	14.770	Nhì	12	THPT chuyên Chu Văn An
30	08.05.02	Tin học	11.885	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
31	08.05.03	Tin học	15.805	Nhì	12	THPT Tây Sơn
32	08.05.04	Tin học	9.890	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
33	08.05.06	Tin học	11.395	Ba	12	Quốc học Quy Nhơn
34	08.05.07	Tin học	12.200	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
35	08.05.08	Tin học	7.980	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
36	08.05.09	Tin học	10.855	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
37	08.06.01	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT số 2 Phù Mỹ
38	08.06.05	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT số 2 Tuy Phước
39	08.06.06	Ngữ văn	12.250	K.Khích	12	THPT số 3 Tuy Phước
40	08.06.07	Ngữ văn	14.000	Nhì	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
41	08.06.08	Ngữ văn	13.500	Nhì	12	THPT số 1 Tuy Phước
42	08.07.01	Lịch sử	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Chu Văn An
43	08.07.02	Lịch sử	14.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
44	08.08.01	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
45	08.08.03	Địa lí	14.500	Ba	12	THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	08.08.05	Địa lí	14.500	Ba	11	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 46 thí sinh





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Công văn số 68/QLCL-QLT, ngày 17 tháng 01 năm 2025)

08-TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	08.09.01	Tiếng Anh	3.20	3.60	5.40	1.4	13.600	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn
2	08.09.03	Tiếng Anh	3.70	3.80	6.50	1.5	15.500	Nhì	THPT chuyên Lê Quý Đôn
3	08.09.04	Tiếng Anh	3.40	3.50	6.50	1.3	14.700	Ba	THPT chuyên Lê Quý Đôn
4	08.09.06	Tiếng Anh	3.90	2.50	4.70	1.7	12.800	K.Khích	THPT chuyên Chu Văn An
5	08.09.07	Tiếng Anh	4	2.90	4.90	1.6	13.400	K.Khích	THPT chuyên Lê Quý Đôn

Danh sách này gồm 5 thí sinh

